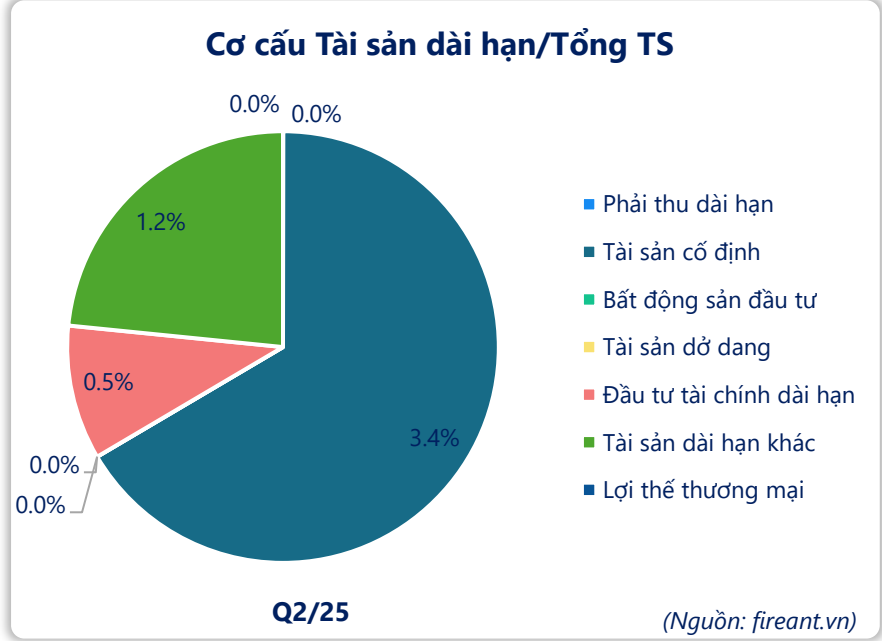
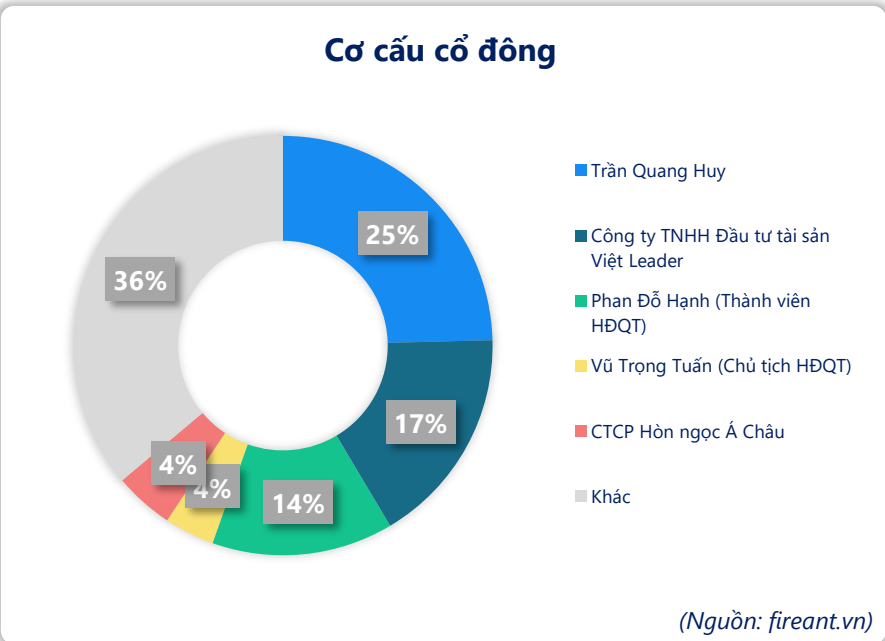
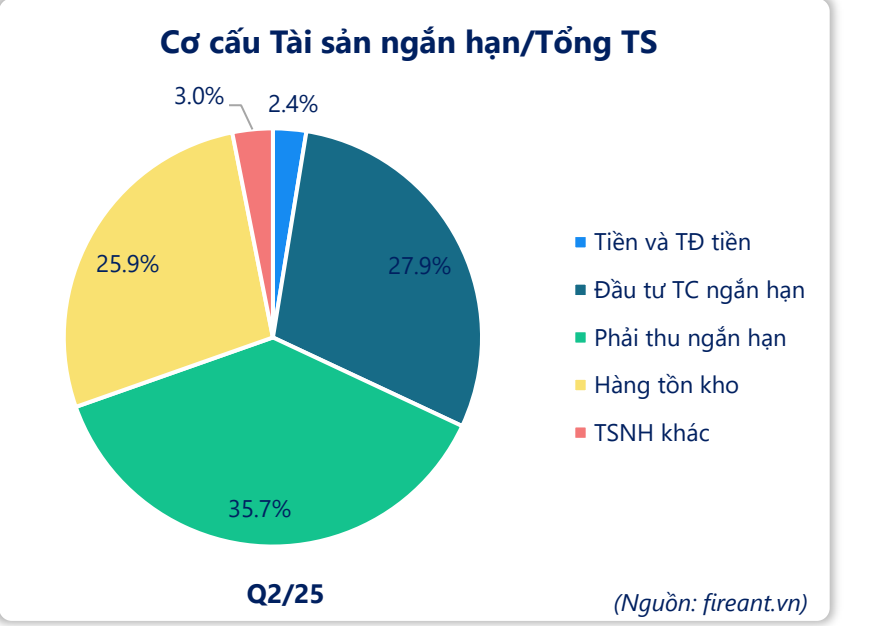
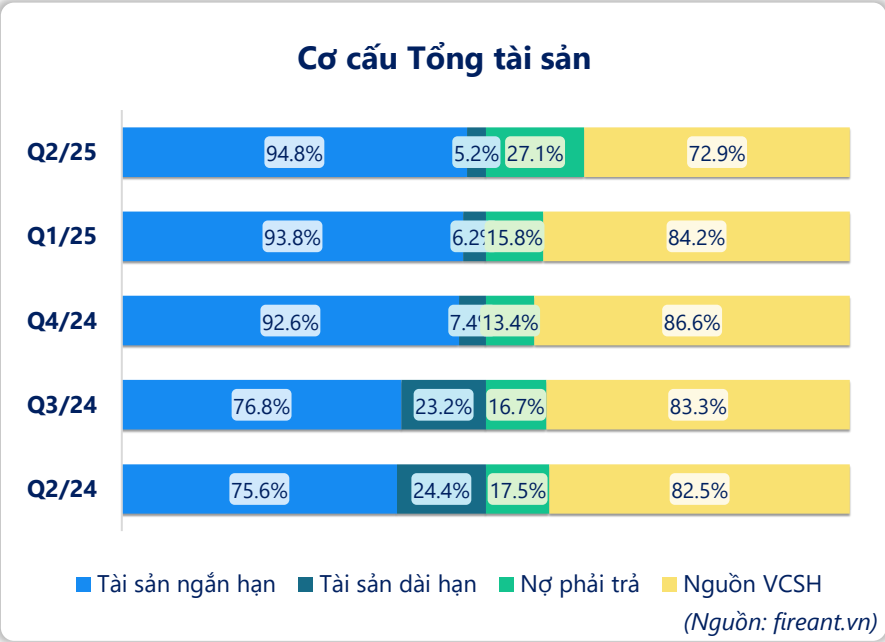
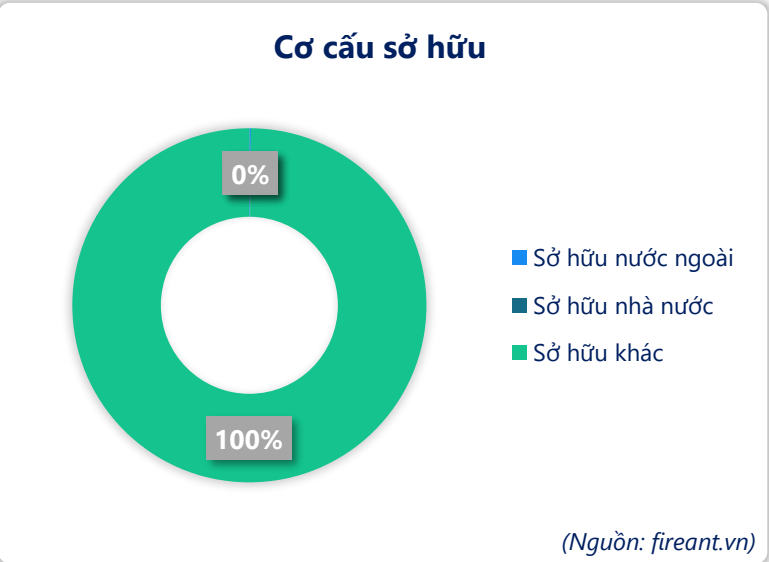
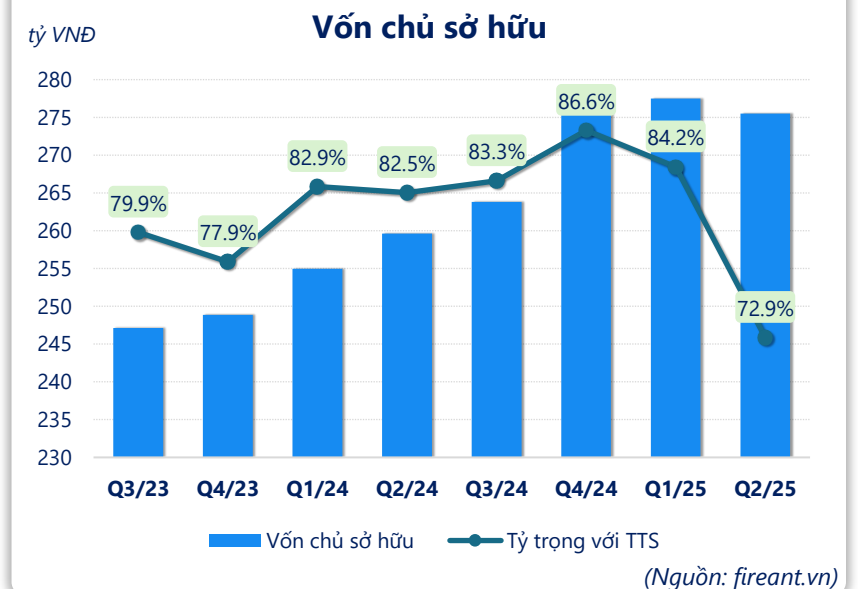
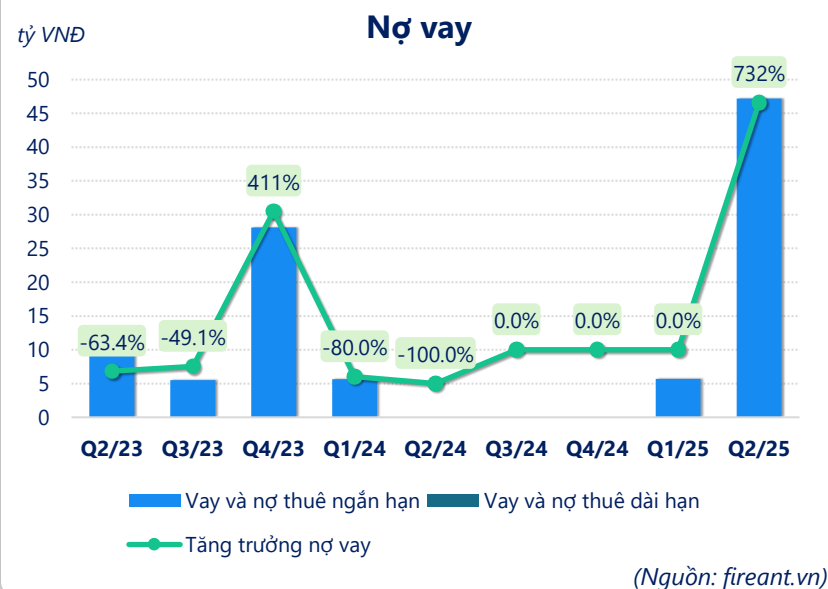
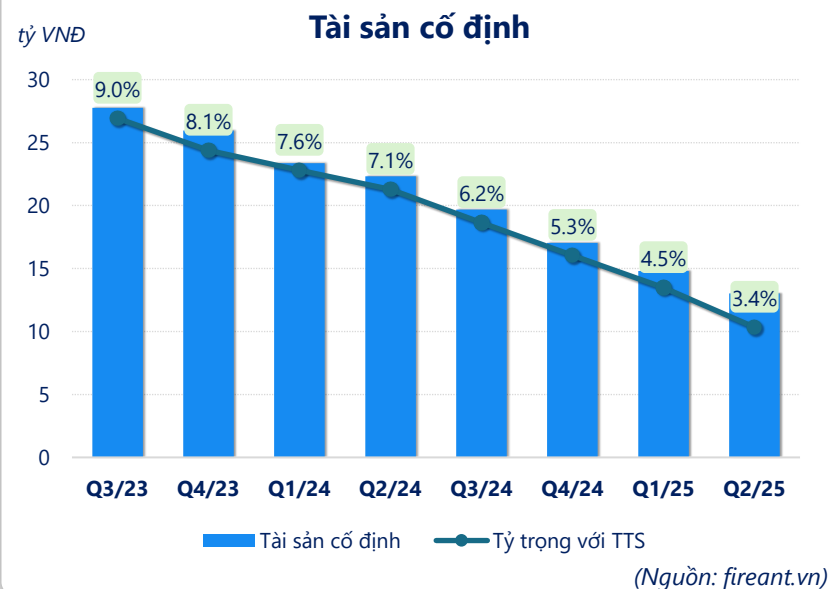
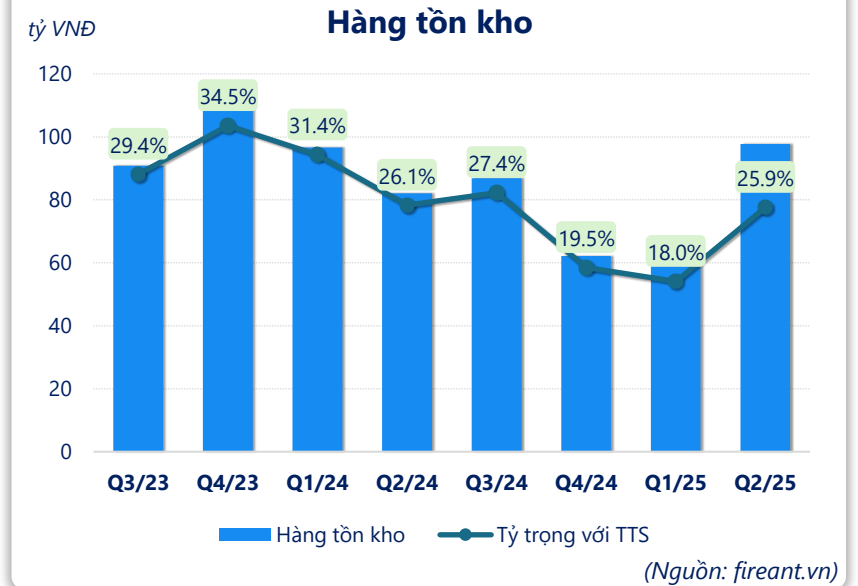
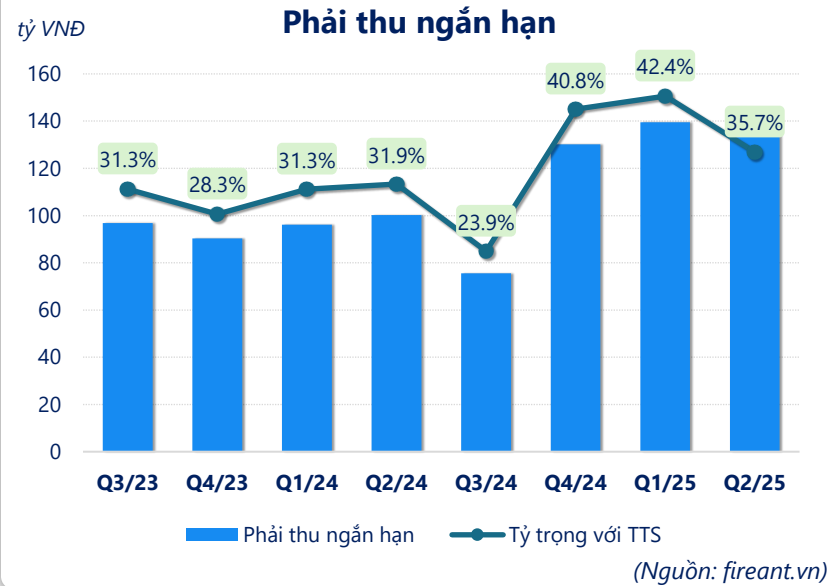
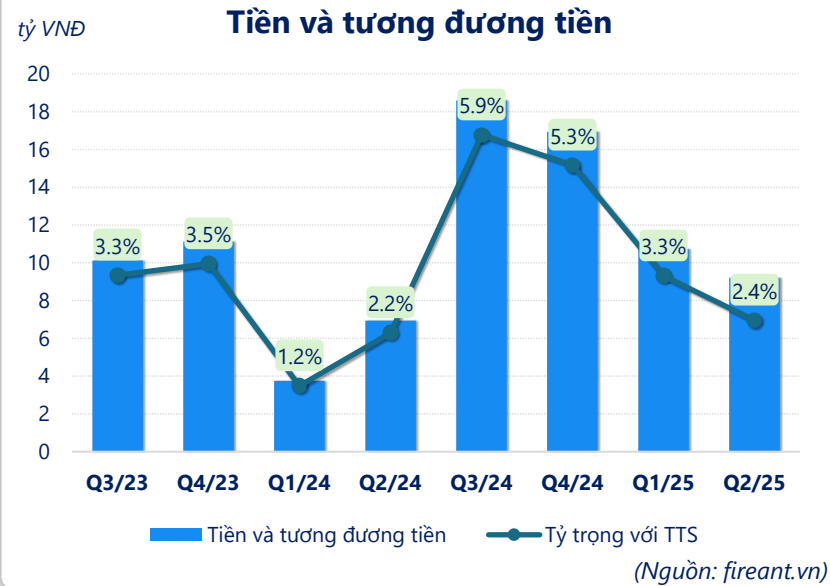
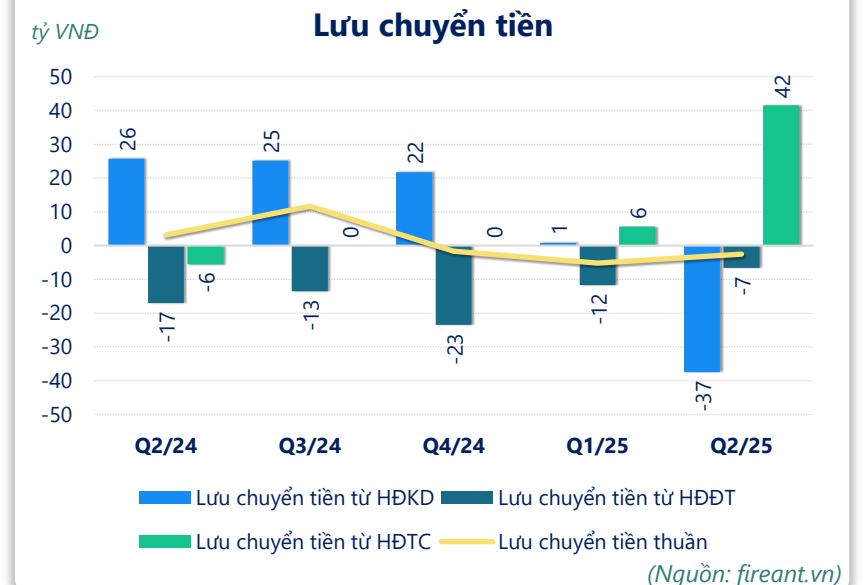
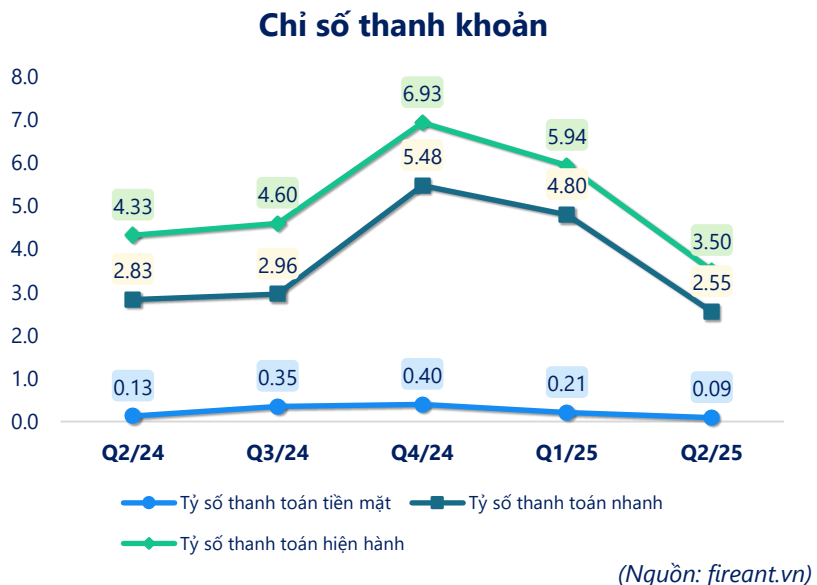
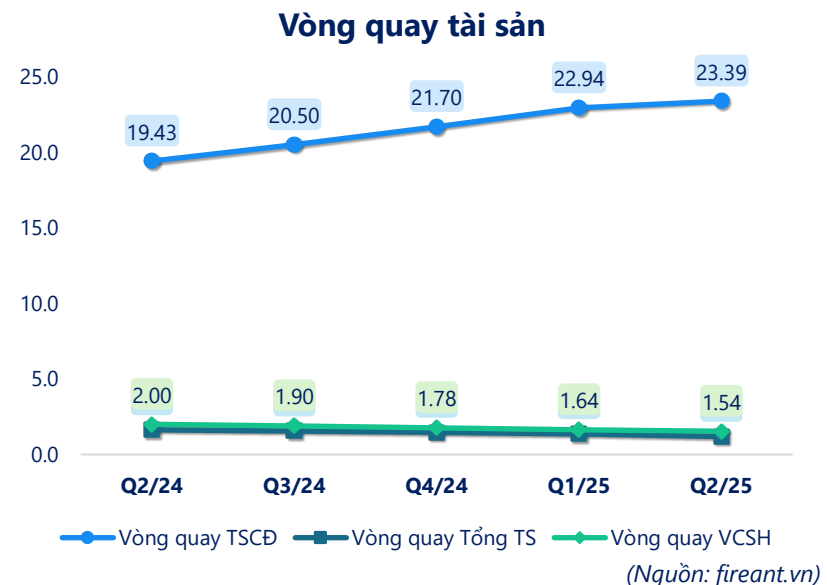
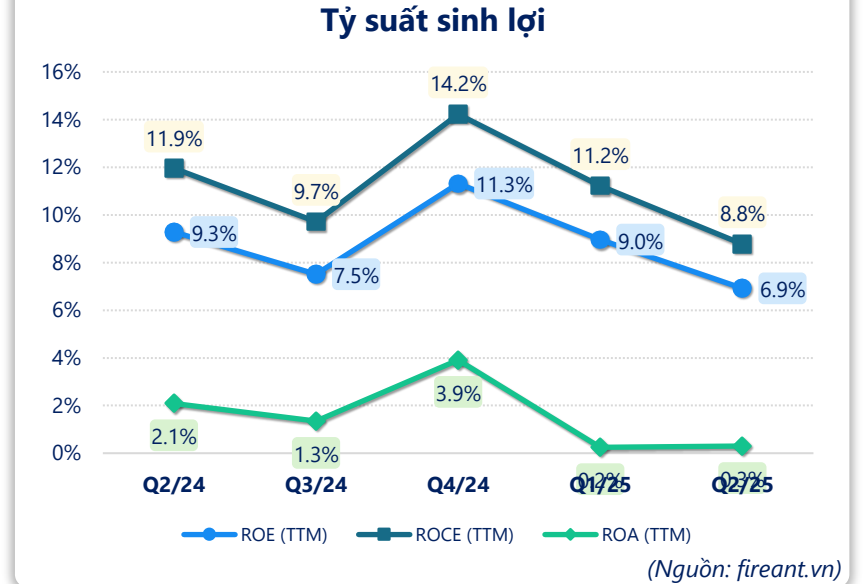
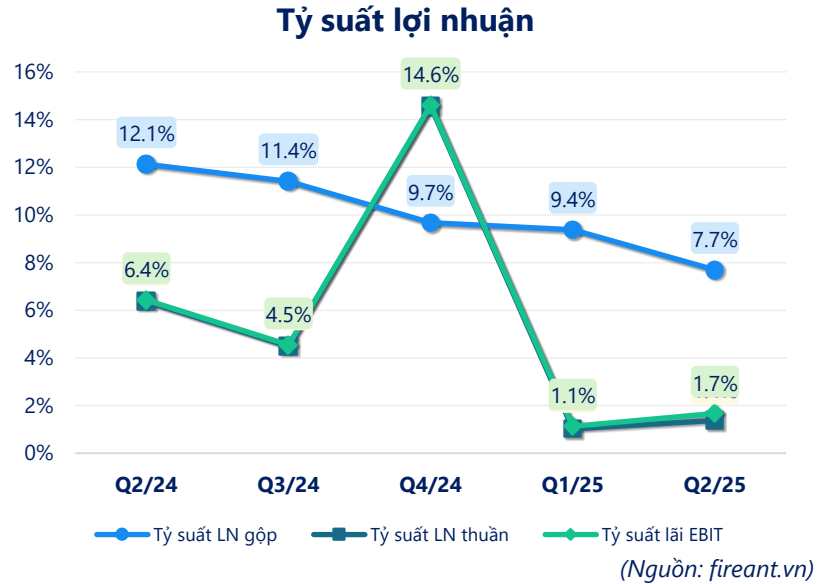
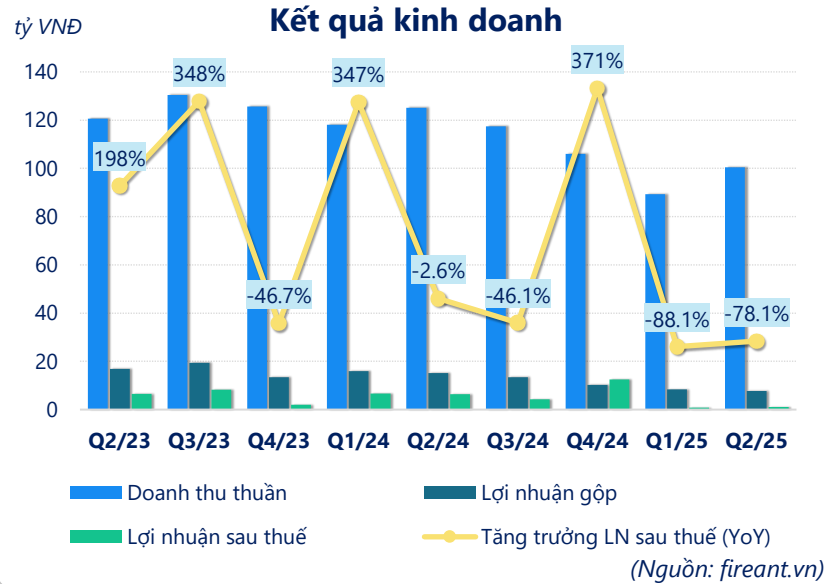


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		31,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		28,289
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		20,581
SL cổ phiếu LH		18,062,331
KLGD BQ 20 phiên (CP)		14,130
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		569
P/E		30.7
EPS		1,025

	YTD	1T	3T	6T
MCP	13.1%	14.3%	13.5%	13.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	378	318	18.9%
Tài sản ngắn hạn	358	294	21.7%
Tiền và tương đương tiền	9.20	16.9	-45.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	105	85.0	23.9%
Phải thu ngắn hạn	135	130	4.1%
Hàng tồn kho	97.7	61.6	58.5%
Tài sản ngắn hạn khác	11.2	1.17	854%
Tài sản dài hạn	19.6	23.5	-16.6%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	13.0	17.0	-23.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.97	1.97	0.0%
Tài sản dài hạn khác	4.58	4.45	2.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	102	41.0	149%
Nợ ngắn hạn	102	41.0	149%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	47.2	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	22.0	16.0	37.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	276	277	-0.4%
Vốn chủ sở hữu	276	277	-0.4%
Vốn điều lệ	181	181	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	125	117	106	89.4	100
Giá vốn hàng bán	110	104	95.7	81.0	92.7
Lợi nhuận gộp	15.2	13.4	10.3	8.38	7.72
Doanh thu HĐTC	0.60	0.56	18.6	1.01	6.07
Chi phí TC	0.31	0.49	0.44	0.11	0.97
Chi phí lãi vay	0.03	0	0	0.02	0.29
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.12	3.56	3.37	3.05	3.12
Chi phí QLDN	3.38	4.63	9.66	5.32	8.33
LN thuần từ HĐKD	7.97	5.27	15.4	0.91	1.38
Lợi nhuận khác	0.04	0.06	0.04	0.07	-0.01
LN trước thuế	8.01	5.33	15.5	0.99	1.38
Lợi nhuận sau thuế	6.38	4.22	12.5	0.79	1.02
LNST của CĐ cty mẹ	6.38	4.22	12.5	0.79	1.02

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25.8	25.1	21.8	0.84	-37.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-17.1	-13.5	-23.4	-11.7	-6.58
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.52	0	0	5.67	41.5
Tiền đầu kỳ	3.75	6.93	18.6	15.9	10.7
Lưu chuyển tiền thuần	3.18	11.7	-1.65	-5.18	-2.53
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.93	18.6	16.9	10.7	9.20

(Nguồn: fireant.vn)